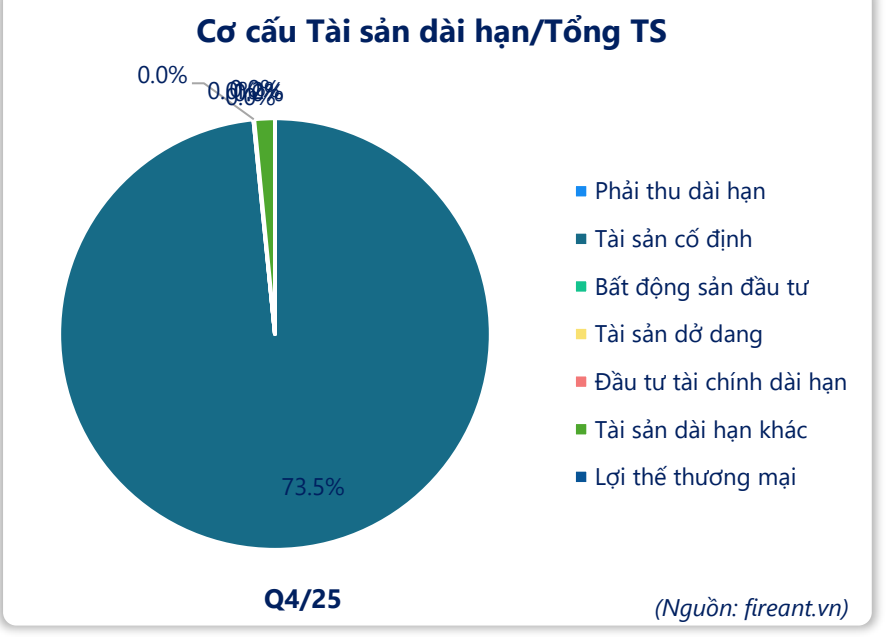
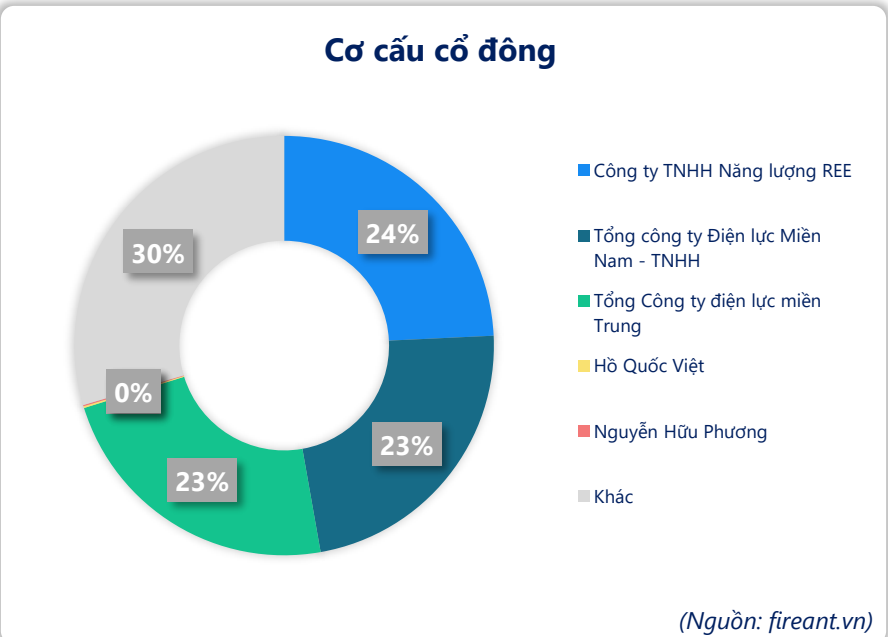
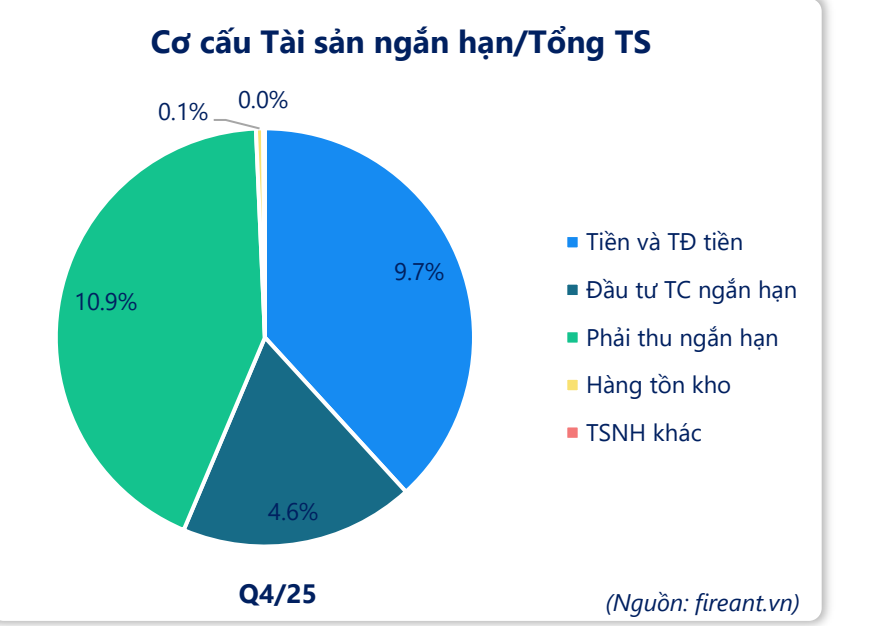
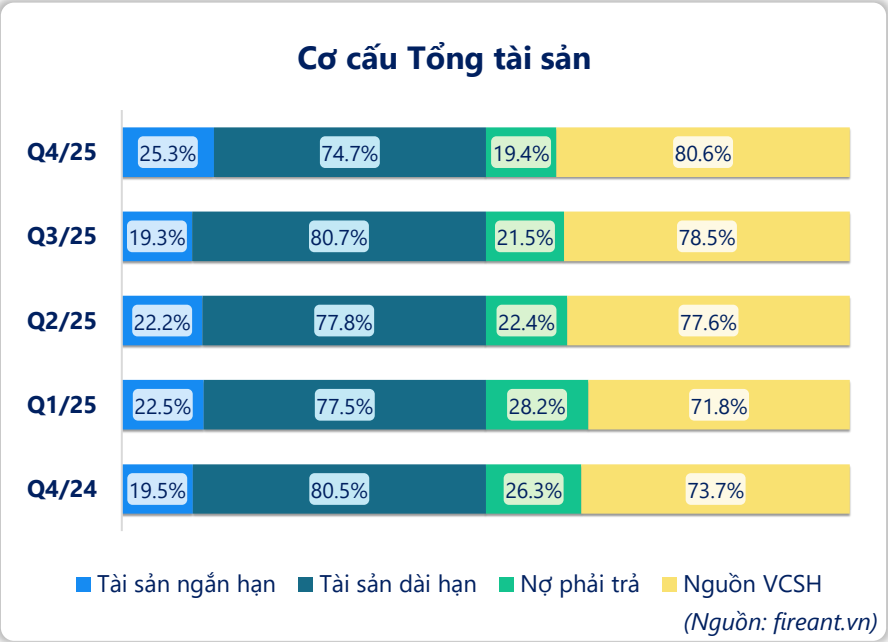
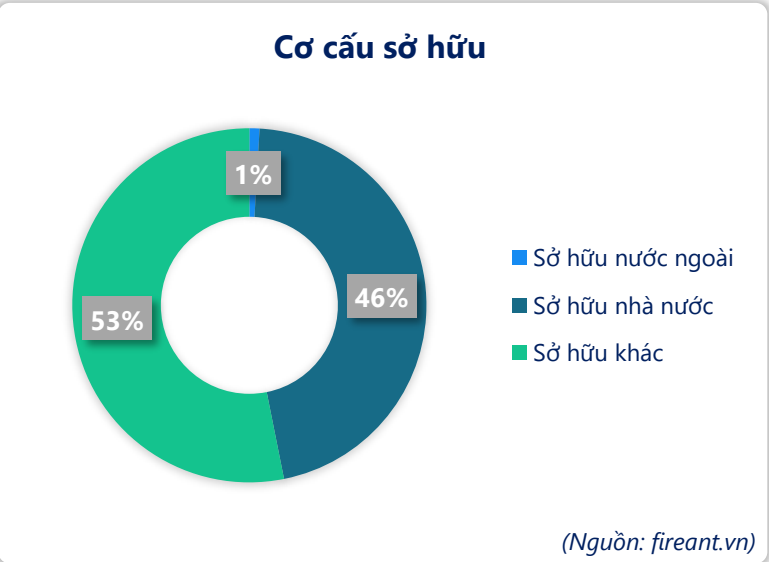
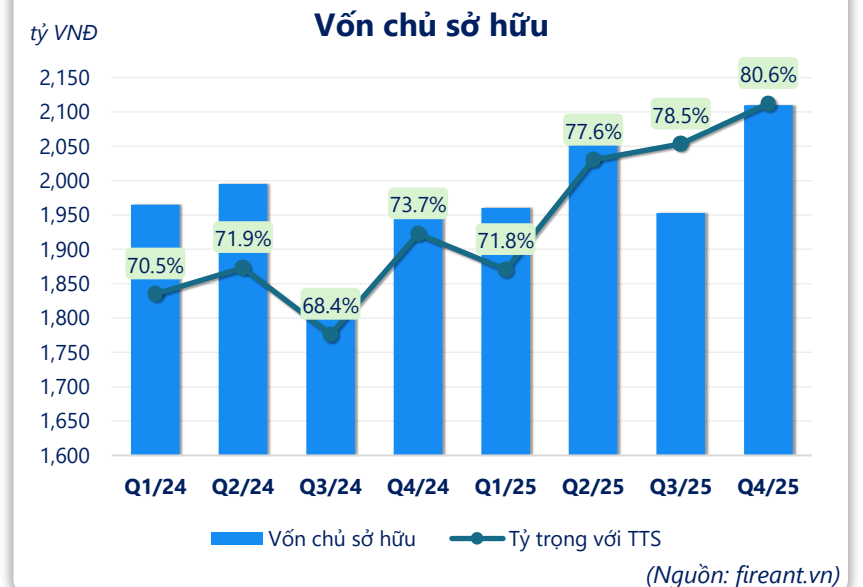
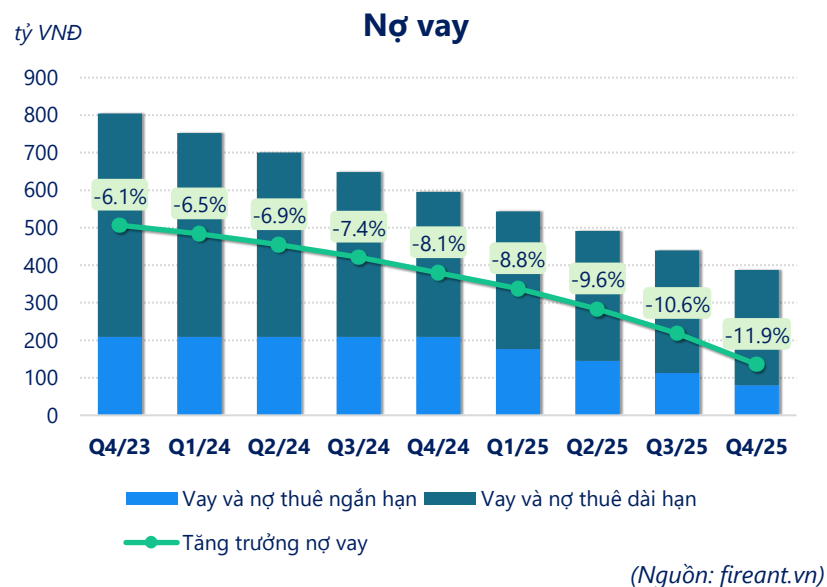
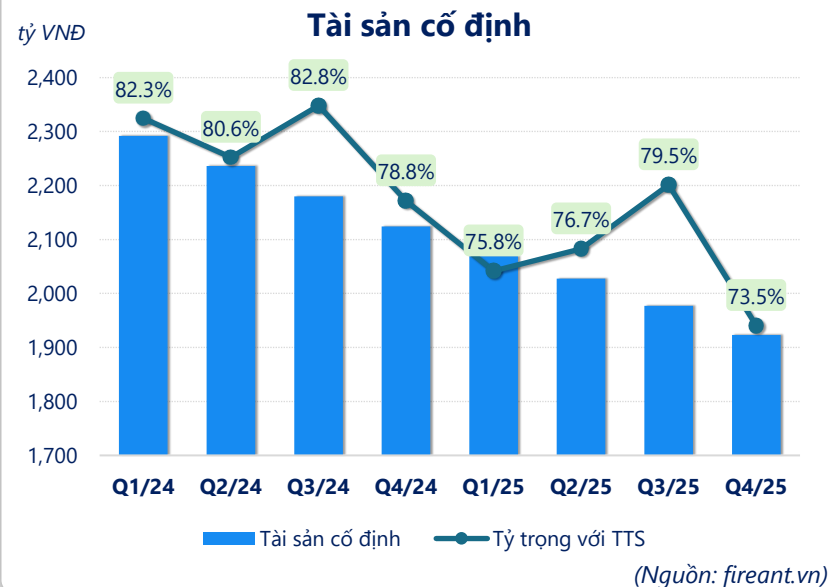
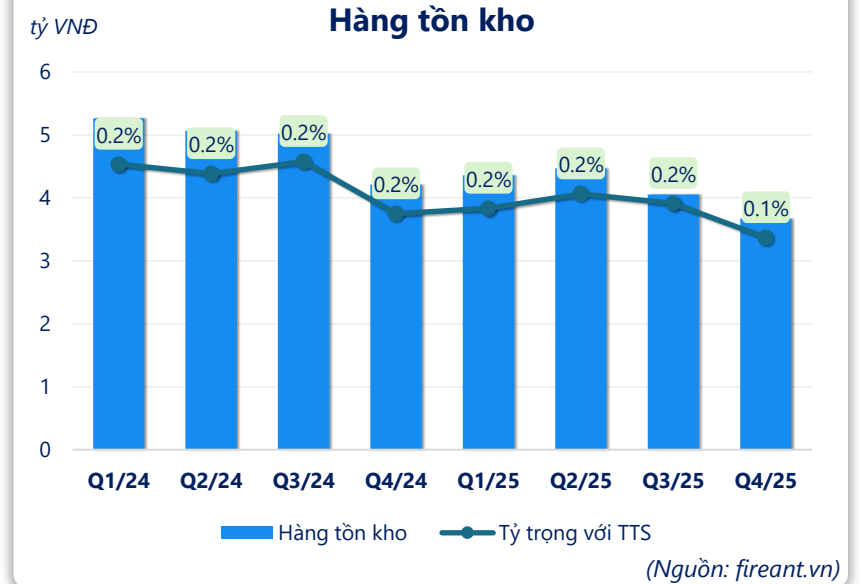
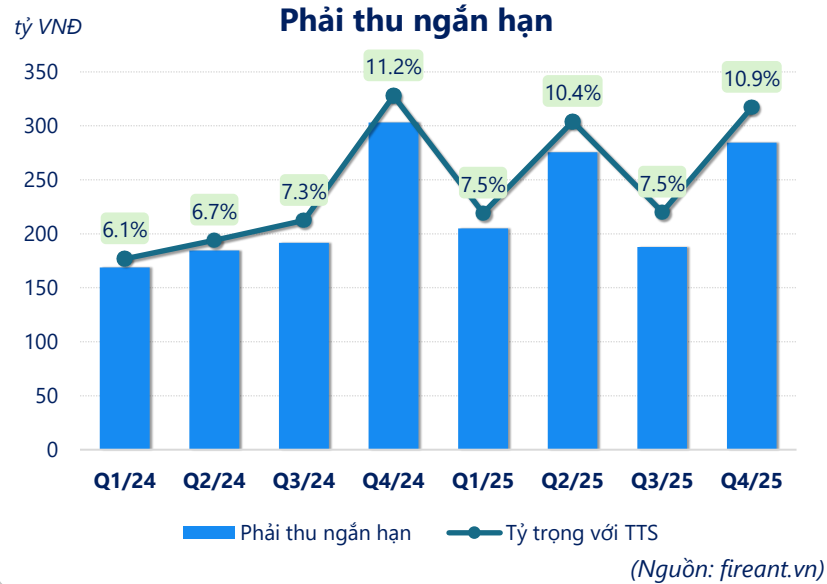
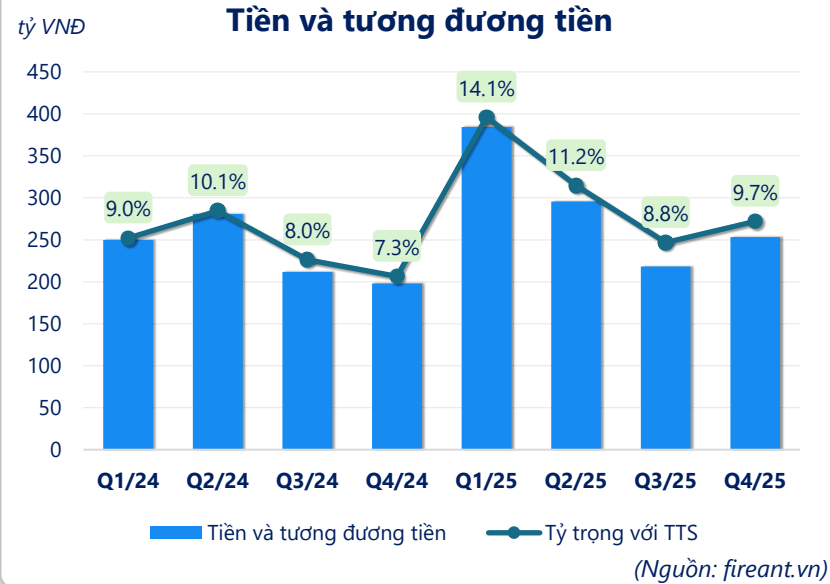
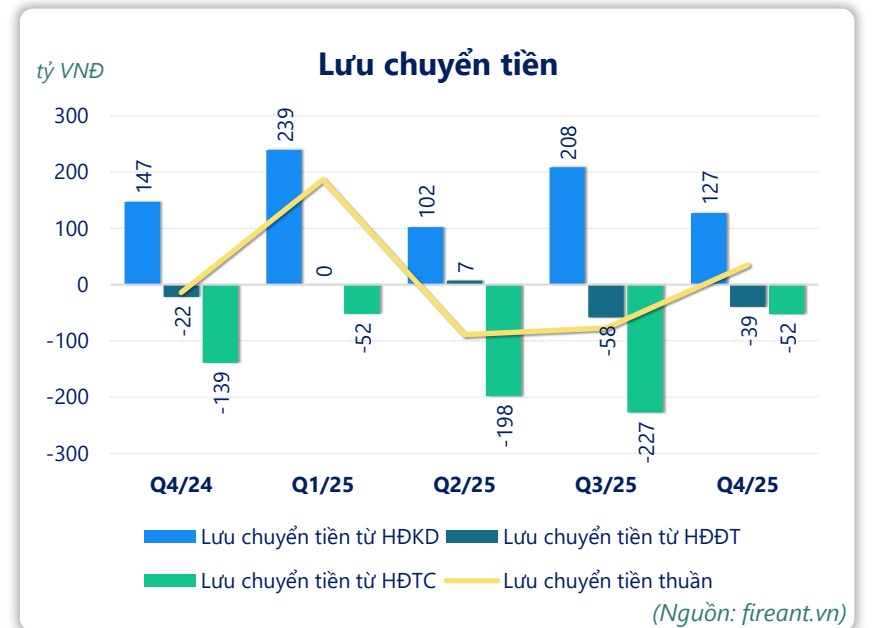
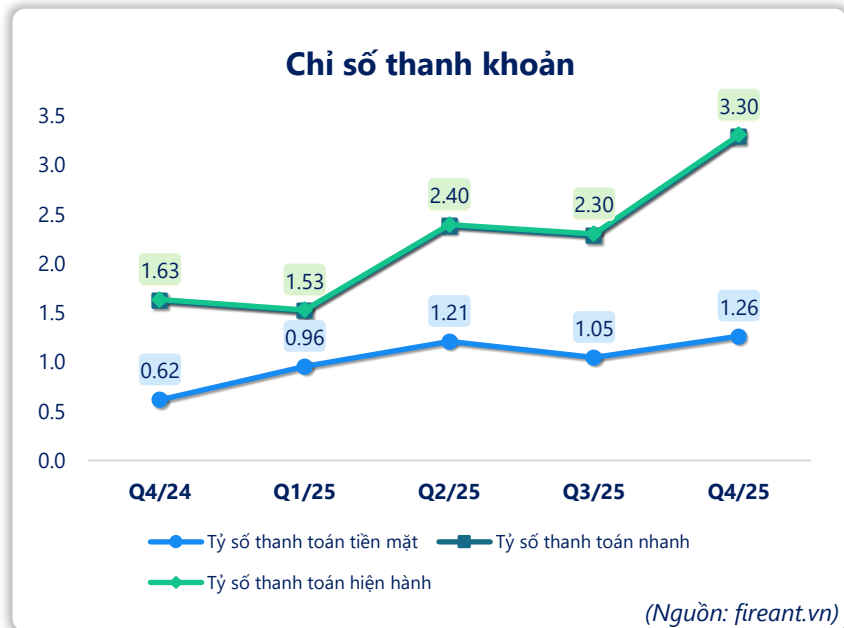
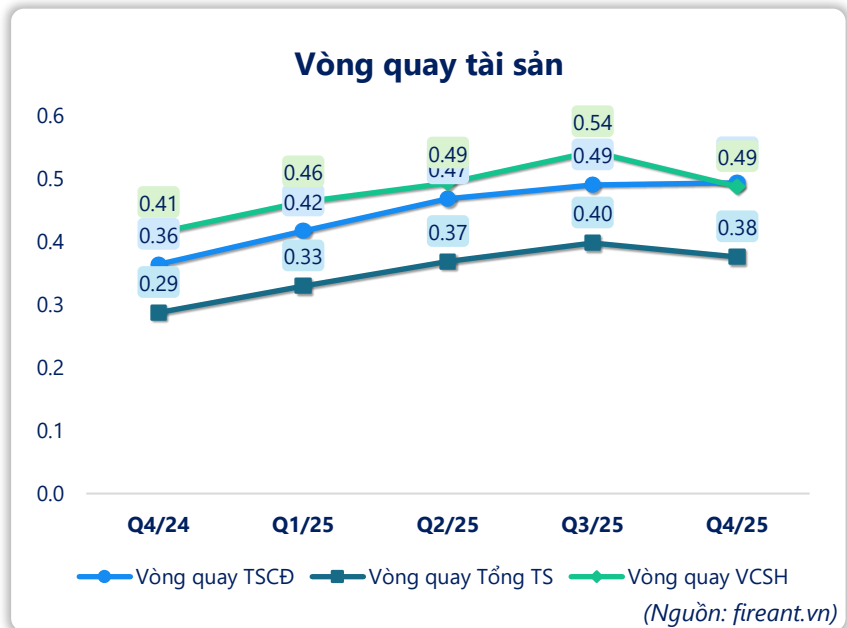
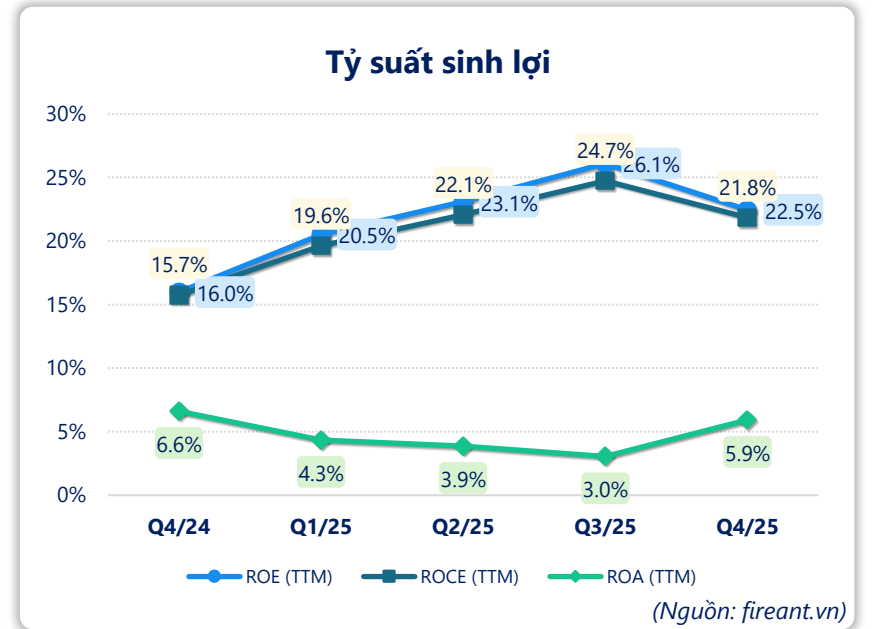
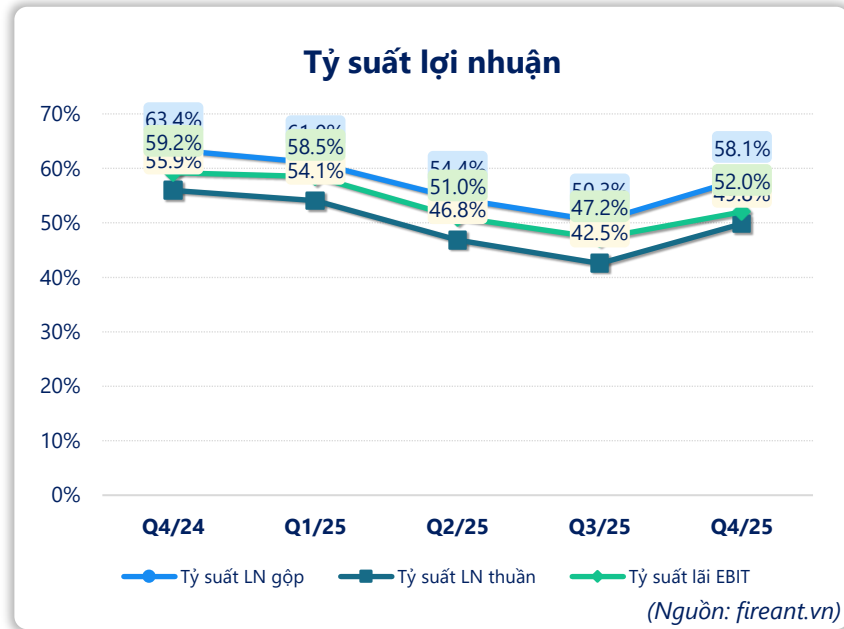
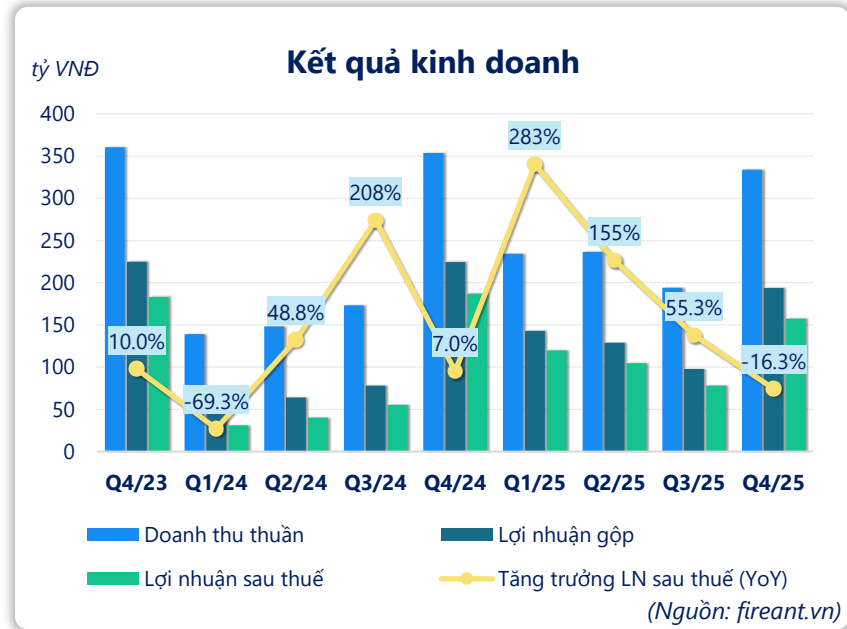


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		34,436
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		27,463
SL cổ phiếu LH		157,658,076
KLGD BQ 20 phiên (CP)		21,605
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		4,667
P/E		10.1
EPS		2,918

	YTD	1T	3T	6T
CHP	0.5%	-0.4%	-0.7%	-6.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,617	2,696	-2.9%
Tài sản ngắn hạn	662	525	26.0%
Tiền và tương đương tiền	253	198	27.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	20.0	501%
Phải thu ngắn hạn	285	303	-6.1%
Hàng tồn kho	3.67	4.21	-12.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.89	0.36	147%
Tài sản dài hạn	1,954	2,171	-10.0%
Phải thu dài hạn	0	0.12	-100%
Tài sản cố định	1,923	2,124	-9.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.02	13.1	-92.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0.13	-100%
Tài sản dài hạn khác	30.1	33.3	-9.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	507	708	-28.4%
Nợ ngắn hạn	200	322	-37.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	80.5	209	-61.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.1	23.6	-10.6%
Nợ dài hạn	307	387	-20.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	307	387	-20.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,110	1,988	6.1%
Vốn chủ sở hữu	2,110	1,988	6.1%
Vốn điều lệ	1,577	1,469	7.3%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	354	234	237	194	334
Giá vốn hàng bán	130	91.4	108	96.6	140
Lợi nhuận gộp	224	143	129	97.7	194
Doanh thu HĐTC	1.16	2.30	2.51	3.74	3.21
Chi phí TC	11.5	10.3	9.88	8.71	7.31
Chi phí lãi vay	11.5	10.3	9.87	8.71	7.31
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	15.9	8.21	10.6	10.1	23.4
LN thuần từ HĐKD	198	127	111	82.7	166
Lợi nhuận khác	0	0	0.01	0.32	-0.03
LN trước thuế	198	127	111	83.0	166
Lợi nhuận sau thuế	187	120	105	78.1	157
LNST của CĐ cty mẹ	187	120	105	78.1	157

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	147	239	102	208	127
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.7	0.01	7.07	-58.1	-39.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-139	-52.3	-198	-227	-52.4
Tiền đầu kỳ	212	198	384	295	218
Lưu chuyển tiền thuần	-13.7	186	-88.9	-77.3	34.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	198	384	295	218	253

(Nguồn: fireant.vn)